TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
Công ty CPXM Sông đà Yaly

Mẫu số B 03- DN

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTBTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quí III		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		5,234,598,693	22,041,875,923	21,465,709,081	113,090,090,290
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		-4,506,514,439	-17,526,325,897	-12,472,196,667	-106,860,486,863
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		-297,732,339	-1,743,453,537	-2,483,369,695	-6,760,345,342
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-985,892,293	-1,165,046,943	-2,467,536,951	-4,583,069,047
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		0	0	0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		36,530,351,436		45,090,503,761	
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7		-27,566,690,997	-109,600,000	-42,219,325,331	-569,200,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**8,408,120,061**	**1,497,449,546**	**6,913,784,198**	**-5,683,010,962**
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			0	0	0	0
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		0		0	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		25,000,000		27,291,475	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		0		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,548,397	26,018,140	21,525,587	176,094,935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**30,548,397**	**26,018,140**	**48,817,062**	**176,094,935**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	**0**	0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP đã phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		22,774,229,453	9,957,037,330	27,761,310,014	47,621,348,088
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-23,843,731,035	-13,862,413,551	-27,292,549,995	-56,358,685,417
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận, lãi vay đã trả cho chủ sở hữu	36		0		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-1,069,501,582**	**-3,905,376,221**	**468,760,019**	**-8,737,337,329**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**7,369,166,876**	**-2,381,908,535**	**7,431,361,279**	**-14,244,253,356**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		1,724,024,905	**5,604,690,342**	**1,661,830,502**	**17,467,035,163**
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**		**9,093,191,781**	**3,222,781,807**	**9,093,191,781**	**3,222,781,807**

Gia Lai, Ngày 18 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU **KẾ TOÁN TRƯỞNG** **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Signature Not Verified
Ký bởi: TRẦN BÌNH NHƯỜNG
Ký ngày: 22-10-2013 14:42:18